

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-PT

Ngày: 31/7/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũng.

Ông Đỗ Văn Hiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 59/2018/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thị T, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2018/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Phạm Thị T (Tên gọi khác: M), sinh ngày 21/6/1983 tại xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T và bà Trần Thị Đ; có chồng là Phạm Thanh T và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/11/2017, bị cáo có mặt.

*Người bị hại có kháng cáo:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 26/07/2017, Trần Thị L đi bộ từ chòi rẫy của gia đình ở khu vực núi C, xã I, huyện C lên chòi rẫy của gia đình chị Nông Thị M để thuê người tía đậu. Khi đi gần tới chòi của gia đình chị M thì L gặp Phạm Thị T đang đi ngược lại, sau lưng T đeo 01 bình phun thốc rẫy và tay trái cầm 01

cây dao rựa dài khoảng 50 cm, đầu bằng, cán bị gãy lòi đầu sắt ra ngoài. Do có mâu thuẫn với nhau về việc tranh chấp đất đai nên khi nhìn thấy L, T bỏ bình phun thuốc sâu xuống đất, tay trái vẫn cầm rựa, tay phải nhặt một cục đá đi lại cách chị L khoảng 1,7m và nói “Con kia ai cho mày đi lên rẫy tao” thì L trả lời “Đất đang tranh chấp là đất không của ai hết, bà làm gì kệ bà, tôi đi đâu kệ tôi”. Lúc này T ném cục đá đang cầm trên tay về phía L trúng vào vai bên trái của L, L quay nghiêng người qua bên trái và kêu “D ơi, bà M bà đánh chị”, T tiếp tục dùng rựa chém 01 phát trúng vào vùng đỉnh đầu của L. L đưa tay bịt vết thương trên đầu thì T dùng sừng rựa đập vào ống chân trái làm L quy xuống. T vòng ra phía sau lưng L, dùng sừng rựa đập nhiều cái vào vai của L rồi đè lên người L, dùng tay trái bịt miệng và ấn ngón cái tay trái vào yết hầu L sau đó dùng cán rựa đánh nhiều phát vào chân phải L. L đưa tay trái chụp cây rựa lại thì T dứt cây rựa làm lòng bàn tay trái L bị đứt chảy máu. T tiếp tục dùng sừng rựa đánh một cái vào vùng mang tai trái của L sau đó giữ tay trái của L và dùng dao rựa của 02 đường vào vùng cổ tay trái của L làm đứt tay chảy máu. Lúc này anh Phan Đăng D là em rể của L nghe thấy L kêu cứu đã chạy đến nơi T và L đánh nhau, D la lên “Chị làm gì chị tôi vậy, thả chị tôi ra”, thấy D đến T một tay kẹp cổ L, một tay cầm rựa kê vào cổ của L nói “Mày mà bước tới đây tao cắt cổ nó”. Nghe vậy, D lùi lại phía sau và gọi chồng L là anh Phan Đình T. Khi Dũng lùi lại, T bỏ L ra và chạy về chòi rẫy của gia đình chị M. D và anh T đến đưa L đến trạm y tế xã I sơ cứu rồi sau đó chuyển ra bệnh viện H cấp cứu và điều trị. Ngày 27/07/2017 do vết thương nặng, gia đình xin chuyển L về Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định để tiếp tục điều trị đến ngày 08/08/2017 thì xuất viện.

Ngày 09/10/2017, Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai ra bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 222, kết luận: Sáu sẹo vết thương phần mềm: Một vết đỉnh đầu kích thước 4cm x 0,3cm, sẹo liền, một vết mặt trước ngang nếp lằn cổ tay trái kích thước 6cm x 0,2cm, sẹo liền, một vết mặt trong cổ tay trái kích thước 1,5cm x 0,1cm, sẹo liền, một vết gối phải kích thước 1cm x 0,5 cm , sẹo liền và hai vết mặt trước cẳng chân phải kích thước mỗi vết 1cm x 0,5; 6%.

Tổn thương bán phần thần kinh giữa bên trái mức độ nặng và không hoàn toàn, định khu ở 1/3 dưới cẳng tay, trên chỗ chia nhánh cho cơ dạng ngón 1. Chưa phát hiện bất thường thần kinh trụ bên trái, biểu hiện bàn tay rủ: 21%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây lên là 26%;

Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương là cơ chế trực tiếp, vật gây thương tích là vật sắc bén và sắc nhọn;

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 28 (Hai mươi tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt giam là ngày 28/11/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 585; Điều 590 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Thị T phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là chị Trần Thị L, trú tại: thôn T xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Các khoản tiền cụ thể:

Tiền thuốc và viện phí là: 7.138.387 đồng,

Tiền xe cấp cứu và đi khám lại, đi giám định là: 8.940.000 đồng;

Tiền công nghỉ do nằm viện và một người chăm sóc là 20 ngày x hai người x 180.000 đồng/ngày công = 7.200.000 đồng;

Một khoản tổn thất về tinh thần là 13 tháng lương cơ bản x 1.300.000 đồng/ tháng = 16.900.000 đồng.

Tổng cộng bốn khoản là: 40.178.387 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 7/5/2018, bị cáo Phạm Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 9/5/2018, người bị hại là chị Trần Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bị hại giữ nguyên kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T và bị hại Trần Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị T không thừa nhận hành vi dùng dao rựa đánh và gây tổn hại 26% sức khỏe cho người bị hại là chị Trần Thị L mà chỉ thừa nhận ngày 26/10/2017, giữa bị cáo và bị hại xảy ra xô xát, bị cáo đánh bị hại bằng cây le. Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy rằng: Lời khai của bị cáo là không có cơ sở, bởi lẽ đây chỉ là lời khai của bị cáo và lời khai này không phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và kết luận giám định pháp y về thương tích (vết thương, tổng tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể, cơ chế hình thành vết thương, vật gây thương tích) và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án như bản ảnh thực nghiệm điều tra; biên bản hiện trường.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở xác định: Ngày 26/7/2017, do có mâu thuẫn với nhau từ trước về việc tranh chấp đất đai nên bị cáo Phạm Thị T đã dùng dao rựa chém một phát trúng vào vùng đỉnh đầu và dùng sông dao rựa đập vào ông chân trái, vào tai, vùng mang tai của người bị hại Trần Thị L, gây thương tích với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 26%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo và kháng cáo về việc tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm, nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần có một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, khi quyết định hình phạt đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định xử phạt bị cáo 28 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, cũng không xuất trình được thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án về phần hình phạt.

Như đã phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Thị T mức án 28 tháng tù là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại về tăng mức bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật dân sự; mức sống và sinh hoạt thực tế tại địa phương; trên cơ sở thương tích và các hóa đơn, chứng từ do người bị hại cung cấp để buộc bị cáo Phạm Thị T phải bồi thường 40.178.387 đồng là thỏa đáng và đúng với các quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Tuy nhiên, do có sự thay đổi về chính sách tiền lương, cụ thể là từng ngày 1/7/2018, mức lương cơ sở điều chỉnh tăng từ 1.300.000 đồng/tháng thành 1.390.000 đồng/tháng, vì vậy mức bồi thường tổn thất tinh thần mà bị cáo phải

bồi thường cho bị hại sẽ được tính lại như sau: 1.390.000.000 đồng x 13 tháng lương cơ sở = 18.070.000 đồng. Bị cáo Phạm Thị T phải bồi thường cho bị hại Trần Thị L bao gồm các khoản: Tiền thuốc và viện phí là: 7.138.387 đồng,

Tiền xe cấp cứu và đi khám lại, đi giám định là: 8.940.000 đồng;

Tiền thu nhập thực tế bị mất của chị L và của một người chăm sóc trong thời gian điều trị là 20 ngày x hai người x 180.000 đồng/ngày = 7.200.000 đồng;

Bồi thường tổn thất về tinh thần là: 18.070.000 đồng.

Tổng cộng là: 41.348.387 đồng.

Đối với khoản tiền chị L yêu cầu bị cáo bồi thường để chị tiếp tục điều trị phần tay bị thương tích số tiền là 250.000.000 đồng và các khoản tiền ăn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, yêu cầu này của chị có thể giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi chị có yêu cầu khởi kiện và có chứng cứ để chứng minh.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc tăng mức bồi thường.

Vì thay đổi mức bồi thường thiệt hại nên bị cáo phải chịu 41.348.387 đồng x 5% = 2.067.419 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T; chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại là chị Trần Thị L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm 16/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 28 (Hai mươi tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt giam là ngày 28/11/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 585; Điều 590 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Thị T phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là chị Trần Thị L, các khoản tiền cụ thể:

Tiền thuốc và viện phí là: 7.138.387 đồng,

Tiền xe cấp cứu và đi khám lại, đi giám định là: 8.940.000 đồng;

Tiền thu nhập thực tế bị mất của chị L và của một người chăm sóc trong thời gian điều trị là 20 ngày x hai người x 180.000 đồng/ngày = 7.200.000 đồng;

Bồi thường tổn thất về tinh thần là: 18.070.000 đồng.

Tổng cộng bốn khoản là: 41. 348.387 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Hàng tháng người phải thi hành án dân sự mà chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.067.419 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, THS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Xuân Hương**

